

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 6 năm 2025

V/v: tranh chấp hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Ngọc và ông Nguyễn Thanh Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thu Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Thi,
tỉnh Hưng Yên

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên tòa:** Ông
Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi, xét xử sơ
thẩm C khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm
2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2025 giữa
các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1971

- Bị đơn: Ông Vũ Văn C, sinh năm 1964

Cùng trú tại: TT, ĐL, AT, Hưng Yên

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày
về yêu cầu khởi kiện như sau: Cả hai kết hôn tự nguyện vào ngày 13/9/2022 tại
UBND xã Đa Lộc. Trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do
bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, ông bà không thể tìm được
tiếng nói chung nên dẫn đến nhiều lần xô xát và dẫn đến ly thân vào ngày
18/12/2024. Nay bà xác định tình cảm không còn đề nghị được ly hôn với ông Vũ
Văn C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, C sức, C nợ: Không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Vũ Văn C như sau: Ông và bà H quen
biết nhau khi cả hai cùng làm ở Lâm Đồng, sau đó có thời gian tìm hiểu nhau, thông

cảm cho hoàn cảnh của nhau vì cả hai đã từng có vợ, có chồng nhưng đã ly hôn nên tiến tới về chung sống với nhau. Khi ông về quê sinh sống thì bà H theo ông về, thời gian đầu chung sống chưa đi đăng ký kết hôn nhưng sau bà H bảo đi đăng ký nên ông bà đến UBND xã Đa Lộc đăng ký kết hôn năm 2022. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khi ông đón con trai của ông về nuôi thì xảy ra mâu thuẫn giữa bà H và con ông, nên ông bà cãi nhau, bà H đã 4 lần bỏ đi. Đến nay, ông bà sống ly thân nhau từ cuối năm 2024 cho đến nay. Nay bà H xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn bà H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, C sức, C nợ: Không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Đa Lộc: Vợ chồng ông C, bà H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc ngày 13/9/2022 theo số 25/2022. Quá trình chung sống ông C, bà H có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được, ông C, bà H không có con chung. Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa do **nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do**. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên tòa phát biểu về tố tụng và nội dung vụ án:

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

+ **Về đường lối giải quyết:** Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, **Điều 55** Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: C nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Vũ Văn C.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, C sức, C nợ: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà H tự nguyện chịu cả án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Vũ Văn C đều có địa chỉ tại TT, ĐL, AT, Hưng Yên. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông C được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H, ông C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc ngày 13/9/2022. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông C là hợp pháp. Nay bà H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, lời khai của các đương sự, xác minh của chính quyền địa phương thấy: Cả hai kết hôn tự nguyện vào ngày 13/9/2022 tại UBND xã Đa Lộc. Trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, không thể tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến nhiều lần xô xát. Vì vậy, vợ chồng đã quyết định sống ly thân nhau vào cuối năm 2024 cho đến nay. Nay bà H xác định tình cảm không còn đề nghị được ly hôn với ông Vũ Văn C và ông C cũng đồng ý ly hôn với bà H. Thấy rằng, hôn nhân bà H, ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của bà H là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình C nhận thuận tình ly hôn giữa bà H, ông C.

[3] Về con chung: Bà H, ông C quá trình chung sống không có con chung.

[4] Về tài sản chung, C sức, C nợ: Bà H, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H tự nguyện chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: C nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Vũ Văn C.

- Về con chung: Bà H, ông C xác định trong quá trình chung sống không có con chung.

- Về tài sản chung, C sức, C nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Bà H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0001497 ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả bà H 150.000 đồng.

- Quyền kháng cáo: Bà H, ông C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;

- Các đương sự;

- UBND xã Đa Lộc, Ân Thi, Hưng Yên;

- Chi cục thi hành án dân sự huyện;

;- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ái